

Bản án số: 181/2017/DS – PT
Ngày: 10/8/2017
V/v “Tranh chấp quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Phạm Kim Cửa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phụng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2017/TLPT - DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS – ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2017/QĐ – PT ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Võ Văn Đ, sinh năm 1959, chết năm 2012

2. Đỗ Thị Bé H, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: 95/5 khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

- Phạm Thị N, sinh năm 1943, chết ngày 06/8/2017;

- Đỗ Thanh P, sinh năm 1990;

- Võ Tuấn K, sinh năm 1996;
- Đỗ Thị Bé H, sinh năm 1965;
- Võ Tuấn A, sinh năm 1999; (Văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 14/4/2017)

Cùng địa chỉ cư trú: 95/5 khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của anh Đỗ Thanh P, anh Võ Tuấn K: bà Đỗ Thị Bé H (Văn bản ủy quyền lần lượt các ngày 01/6/2016, 22/12/2015)

- *Bị đơn:*

- Hoát Thị L, sinh năm 1972; (có mặt)
- Hoát Văn T, sinh năm 1977; (có mặt)
- Hoát Văn A1, sinh năm 1981; (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: 95/6, khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoát Thị H1, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật gia Lê Châu T
– Hội viên Hội Luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn U - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. (có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 04/8/2017)

2. Vũ Quốc T2, sinh năm 1996; (có yêu cầu xin vắng mặt)
3. Hoát Văn H2, sinh năm 2000; (có yêu cầu xin vắng mặt)
4. Hoát Văn T3, sinh năm 2001; (có yêu cầu xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: 95/6, khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Nguyễn Thị O, sinh năm 1955; (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1, Hoát Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị Bé H, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Đ cùng trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Phạm Thị N (mẹ ông Võ Văn Đ), vào năm 1992 bà N cho ông Hoát Văn P3 (cha của các bị đơn) cất nhà tạm ở nhờ trên phần đất có diện tích 35,4 m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Năm 2001, bà N cho ông Đ và bà H phần đất này. Lúc này, ông P3 đã cất nhà kiên cố trên phần đất nêu trên nên mới phát sinh tranh chấp. Sau đó, các bên có hòa giải tại ấp, ông P3 xin cất nhà kiên cố ở đến hết đời sẽ trả lại cho ông Đ, ông Đ đồng ý và ông P3 có viết tờ cam kết đề ngày 29/12/2001 thừa nhận đây là phần đất ở nhờ và cam kết ở đến hết đời ông P3 sẽ trả lại cho ông Đ. Quá trình sử dụng ông P3 đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần này mà bà N, ông Đ, bà H không biết. Năm 2010 ông Hoát Văn P3 mất, ông Võ Văn Đ và bà Đỗ Thị Bé H khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông P3 gồm Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1 và Hoát Thị H1 trả lại phần đất có diện tích 35,4 m² thuộc thửa số 297, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đối với căn nhà cất trên phần đất này, nguyên đơn đồng ý trả lại giá trị cho phía bị đơn theo giá của Hội đồng định giá, đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hoát Văn P3.

Trong quá trình tố tụng, các bị đơn Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1, Hoát Thị H1 cùng trình bày:

Phần đất này do cha mẹ của các anh chị để lại, từ nhỏ lớn lên anh chị em đã sinh sống cùng cha mẹ là ông Hoát Văn P3 và bà Nguyễn Thị O trên phần đất này nên không rõ nguồn gốc đất trước đây là của ai. Năm 1993, ông P3 làm thủ tục đăng ký kê khai phần đất này và đến năm 2007 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 35,4 m² thuộc thửa số 297, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông P3 không có viết tờ giấy cam kết ngày 29/12/2001 với nội dung thừa nhận ở nhờ phần đất của ông Đ cho đến hết đời ông P3 sẽ trả lại. Năm 2010 ông P3 chết và để lại phần đất này cho bà Nguyễn Thị O và bốn anh chị em quản lý. Nay bà Đỗ Thị Bé H cùng người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn Đ yêu cầu bốn anh chị em và bà O phải trả lại phần diện tích đất này thì gia đình anh chị không đồng ý.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1980 là của Nhà nước quản lý, đến năm 1980 do nhu cầu xây dựng trường Phổ thông cơ sở thị trấn 2 nên đã trưng dụng phần đất này của gia đình bà và đổi cho vợ chồng bà phần đất đang tranh chấp, nên ông Hoát Văn P3 đã sử dụng và đăng ký kê khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện M có văn bản trình bày:

Năm 2000, trên đại bàn thị trấn M tiến hành đo đạc tổng thể và lập bản đồ địa chính. Sau khi đo đạc xong thì tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất đăng ký, trong đó có ông Hoát Văn P3 đăng ký thửa đất số 297, tờ bản đồ số 25, diện tích 35,4 m². Ủy ban nhân dân thị trấn M tổ chức xét duyệt và thống nhất cấp quyền sử dụng đất cho ông P3 thửa đất trên.

Năm 2007, ông Hoát Văn P3 làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên, sau khi nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P3 thì Ủy ban nhân dân thị trấn M tiến hành niêm yết công khai theo quy định, nhưng không nhận được đơn tranh chấp, khiếu nại về thửa đất nêu trên. Ủy ban nhân dân thị trấn M trình Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoát Văn P3 ngày 05/11/2007. Tại thời điểm này ông Hoát Văn P3 đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Quốc T, Hoát Văn H2, Hoát Văn T3 vắng mặt, không có lời trình bày. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị O, chị Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn A1 cùng thống nhất anh Tuấn, anh Hưng và anh Trường trực tiếp ở căn nhà trên đất tranh chấp nhưng không có công sức đóng góp hay tu bổ gì đối với phần đất tranh chấp cũng như tài sản trên đất tranh chấp.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 29/2017/DS – ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 có quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Bé H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Đ gồm bà Phạm Thị N, Đỗ Thị Bé H, Đỗ Thanh P, Võ Tuấn K, Võ Tuấn A về việc yêu cầu Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1 và Hoát Thị H1 trả đất.

Cụ thể:

1. Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1, và Hoát Thị H1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Đỗ Thị Bé H, Phạm Thị N, Đỗ Thanh P, Võ Tuấn K và Võ Tuấn A số tiền là 1.800.000 đồng x 32,7 = 58.860.000 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Bà Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn A1 và chị Hoát Thị H1 được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 32,7 m² (thuộc thửa 297b, 241b, 296a, 296b, 299a, 297d, 297f) tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng toàn bộ tài sản

trên đất là căn nhà qua đo đạc thực tế có diện tích 31,2 m² (thuộc thửa số 297b, 296a, 297f, 241b).

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số H02562 ngày 05/11/2007 của UBND huyện M đã cấp cho ông Hoát Văn P3 có diện tích 35,4 m² thuộc thửa số 297, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Các phần đất được thể hiện trong hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M - Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre thực hiện đo vẽ kèm theo).

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2017 các bị đơn Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1, Hoát Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Bé H không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn trình bày: Bà Đỗ Thị Bé H khởi kiện mà không có căn cứ chắc chắn, chỉ có duy nhất một Tờ cam kết của ông Hoát Văn P3, tuy nhiên thời điểm này các thành viên trong hộ ông P3 đã trưởng thành mà không có ý kiến của họ về việc trả đất, vậy là ảnh hưởng quyền lợi của họ. Ngoài ra nguồn gốc đất được Ủy ban nhân dân thị trấn M xác định là của bà Nguyễn Thị T3. Phía nguyên đơn cho rằng bà T3 là bà ngoại nuôi của ông Đ, bà T3 cho đất bà Phạm Thị N rồi bà N cho lại ông Đ, tuy nhiên không có chứng cứ gì chứng minh. Phía bị đơn cũng trình bày là được bà T3 cho đất mà không được chấp nhận là chưa thỏa đáng. Về mặt tố tụng, các con của ông Đ không có làm đơn tiếp tục yêu cầu khởi kiện khi ông Đ chết, mà tòa án sơ thẩm vẫn chấp

nhận yêu cầu trả đất cho các con của ông Đ là sai. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa làm rõ các phần đất tại thửa 296a, 296b, 299a, 241b hiện do ai đang quản lý sử dụng để đưa họ vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng. Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn giao trả giá trị đất cho nguyên đơn, trong khi đó lại tuyên hủy Giấy chứng quyền sử dụng đất của ông P3 là không cần thiết. Từ đó, xét thấy các vi phạm trên cấp phúc thẩm không chính sửa được nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: các bên đương sự đều thống nhất đất có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị T3. Nguyên đơn thì cho rằng được bà T3 cho bà Phạm Thị N, bà N cho lại vợ chồng ông Võ Văn Đ. Bà Phạm Thị N cho ông Hoát Văn P3 ở nhờ trên đất, ông P3 có làm Tờ cam kết ở đến hết đời sẽ trả lại đất cho nguyên đơn. Tờ cam kết này các bị đơn không thừa nhận, tuy nhiên tại Kết luận giám định số 243 ngày 10/11/2015 kết luận chữ viết và chữ ký trong tờ cam kết là do ông P3 viết ra. Xét lời trình bày của các bị đơn cho rằng tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông P3 trình bày nguồn gốc đất là do bà Nguyễn Thị T3 cho từ năm 1980, còn bà Nguyễn Thị O (vợ ông P3) thì trình bày đất tranh chấp có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, đến năm 1980 do nhu cầu xây dựng trường Phổ thông cơ sở thị trấn 2 nên đã trưng dụng phần đất của gia đình bà và đổi cho vợ chồng bà phần đất đang tranh chấp, nên ông Hoát Văn P3 đã sử dụng và đăng ký kê khai. Như vậy lời trình bày của các bị đơn về nguồn gốc đất có sự mâu thuẫn.

[2] Về việc đăng ký, kê khai: Các bị đơn cho rằng đất không tranh chấp nên khi ông Hoát Văn P3 đăng ký kê khai đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sự việc này xảy ra cùng thời điểm với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Đ, mà ông Đ không có ý kiến gì, nên mặc nhiên thừa nhận đất tranh chấp là của các bị đơn. Tuy nhiên theo kết quả xác minh ngày 09/01/2015 thì phần đất trên ông P3 và ông Đ có tranh chấp từ năm 2001, nên ông P3 mới viết tờ cam kết ngày 29/12/2001. Ngoài ra theo kết luận giám định ngày 04/01/2017 kết luận chữ ký trong biên bản ký hiệp thương ranh đối với thửa 297 để

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P3 không phải chữ ký của ông Đ, như vậy ông Đ không tham gia ký kết hiệp thương ranh. Từ đó có cơ sở xác định quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P3 là không đúng theo quy định Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và khoản 2, Điều 48 Nghị định 181/20040ND-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, kháng cáo của bị đơn yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

[3] Căn cứ vào kết quả đo đạc thì đất tranh chấp thực tế là 32,7 m² thuộc các thửa số 297b, 299a, 297b hiện tại bị đơn đang sử dụng. Đối với các thửa 296a, 296b và 241b nguyên đơn không có yêu cầu. Diện tích đất tranh chấp so với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít hơn 1,7 m², án sơ thẩm buộc bị đơn trả bằng giá trị, nguyên đơn không ai kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bà Đỗ Thị Bé H cũng xác định diện tích đất tranh chấp là 32,7 m², nếu có thiệt hại là bên phía nguyên đơn, do đó không cần thiết phải làm rõ phần này như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên trả bằng giá trị nhưng lại tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoát Văn P3 là không phù hợp. Theo đó, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P3 được tiếp tục sử dụng đất và có quyền thừa kế nếu có yêu cầu, phần này điều chỉnh lại cho phù hợp.

[5] Bản án sơ thẩm căn cứ nguồn gốc, căn cứ sự thừa nhận của ông Hoát Văn P3 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ, bà Đỗ Thị Bé H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ, xác định giá trị đất và chỗ ở của các bị đơn cũng như nhà của ông Hoát Văn P3 là kiên cố để buộc trả bằng giá trị là có căn cứ. Do đó toàn bộ kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1, Hoát Thị H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS – ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 256, 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Bé H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Đ gồm bà Phạm Thị N, Đỗ Thị Bé H, Đỗ Thanh P, Võ Tuấn K, Võ Tuấn A về việc yêu cầu Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1 và Hoát Thị H1 trả đất.

Buộc Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, Hoát Văn T, Hoát Văn A1, và Hoát Thị H1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Đỗ Thị Bé H, Phạm Thị N, Đỗ Thanh P, Võ Tuấn K và Võ Tuấn A số tiền là $1.800.000 \text{ đồng} \times 32,7 \text{ m}^2 = 58.860.000 \text{ đồng}$ (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị O, Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn A1 và chị Hoát Thị H1 được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là $32,7 \text{ m}^2$ (thuộc thửa 297b, 241b, 296a, 296b, 297d, 297f) tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà qua đo đạc thực tế có diện tích $31,2 \text{ m}^2$ (thuộc thửa số 297b, 296a, 297f, 241b).

(Các phần đất được thể hiện trong hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M - Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre thực hiện đo vẽ kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: 3.660.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) Chị Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát

Văn Án và chị Hoát Thị H1 phải liên đới chịu nhưng bà Đỗ Thị Bé H đã thanh toán xong nên Chị Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn Án và chị Hoát Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Thị Bé H số tiền nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn Án và chị Hoát Thị H1 phải liên đới chịu 2.943.000 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn Án và chị Hoát Thị H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào các biên lai thu tạm ứng án phí lần lượt là 0007879, 0007878, 0007877, 0007876 cùng ngày 09/6/3017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Chị Hoát Thị L, anh Hoát Văn T, anh Hoát Văn Án và chị Hoát Thị H1 không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng